

VỀ CỘNG ĐỒNG ISLAM GIÁO Ở PHILIPPIN - NGƯỜI MORO

NGÔ VĂN DOANH^(*)

Có lẽ, nơi có bức tranh tôn giáo khá đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á là vùng quần đảo Philippin. Mà, mảng màu đặc biệt nhất trong bức tranh tôn giáo này của Philippin là Islam giáo, một tôn giáo, cho đến tận hôm nay, vẫn luôn là vấn đề nóng bỏng và khó giải quyết nhất cho chính quyền, dù rằng, các tín đồ đạo Islam ở đây không phải là đông (khoảng 5,3% dân số cả nước). Vậy, điều gì đã tạo nên tính gay cấn trong mối quan hệ giữa cộng đồng Islam giáo và chính quyền ở Philippin. Để hiểu điều này, không thể không nhìn vào lịch sử truyền bá và phát triển của đạo Islam ở vùng quần đảo này từ những ngày đầu cho đến nay.

Như đối với nhiều khu vực khác trên thế giới, thương nhân Ả-rập là những người đầu tiên đem gieo hạt giống của đạo Islam vào Philippin. Các tài liệu lịch sử và truyền thuyết cho biết, vào khoảng thập niên cuối cùng của thế kỉ XIII và thập niên đầu của thế kỉ XIV, thương nhân người Ả-rập đã đến Sulu. Tài liệu địa phương nói tới chuyện có bảy người anh em là những người đầu tiên đến đây với nhiệm vụ cải đạo cho vùng đất này. Tiến sĩ Majul cho rằng, bảy người anh em ở đây không phải là những người anh em mang tính sinh học, mà là biểu tượng về

bảy người chính có nhiệm vụ truyền bá đạo Islam vào Sulu và Mindanao. Rất có thể, thông qua những hoạt động truyền giáo đầy cố gắng của bảy ông thầy đầu tiên hay các Makhdunim này, mà tín ngưỡng và những điều thực hành của đạo Islam được các tân tín đồ ở đây biết tới. Bằng chứng cho điều này là, vào thời điểm, khi Raja Baguinda Ali của Sumatra cùng một vài vị đại quan của ông tới vùng này vào cuối thế kỉ XIV, đã có những người Muslim ở Jolo rồi. Đến giữa thế kỉ XV, Sherif Abu Bakr đã lập ra một quốc gia Islam giáo ở Sulu. Sự việc trên cho thấy, có sự lớn mạnh thực sự và có ý thức của những người dân theo đạo Islam ở Sulu. Các tài liệu cho biết, Sherif Abu Bakr đã cưới con gái của Raja Baguinda Ali. Đến thời gian này, việc cải giáo sang đạo Islam của vùng quần đảo Sulu coi như hoàn thành. Từ Sulu, Islam giáo thâm nhập vào vùng Mindanao. Các nguồn tài liệu và truyền thuyết cho rằng có nhiều thầy sherif đến để truyền đạo, nhưng công đầu trong việc đưa đạo Islam vào Cotabato và Lanao thuộc về những hoạt động truyền giáo của Sherif Muhammad Kabungsuan, người đến vùng này vào khoảng giữa thế kỉ XVI.

^(*). PGS.TS., Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Sau đấy, tại vùng Lanao, có bốn quốc gia Islam giáo (sultanate) được thành lập. Vị thế của đạo Islam ở Sulu và vùng Mindanao được củng cố thêm một phần là nhờ những mối quan hệ liên tục với Malacca, Sumatra, Java và Molucca. Về mối quan hệ tôn giáo giữa Molucca và vùng phía nam Philippin, nhà nghiên cứu Islam giáo của khu vực này, tiến sĩ Majul viết: “Những cuộc tiếp xúc đã tạo thành những liên minh quân sự thực sự cũng như những trao đổi tôn giáo này có thể được lí giải như là sự đáp lại việc người Bồ Đào Nha và người Tây Ban Nha tới Malaisia. Việc những người Phương Tây này đến là sự đe dọa cả về buôn bán lẫn về tôn giáo đối với rất nhiều người Mã Lai. Cái mô hình của những cuộc Thập Tự Chinh, như vậy, đã được lặp lại và tiếp tục ở một phần khác của thế giới”⁽¹⁾. Và, cũng chỉ trong vòng một thời gian không dài, đạo Islam đã bén rễ khá sâu và có những ảnh hưởng rất lớn đến đời sống chính trị, xã hội và văn hóa của các cư dân miền nam quốc đảo Philippin. Tiến sĩ Majul khái quát về những tác động mạnh mẽ của Islam giáo vào các dân tộc ở đây như sau: “Đạo Islam đã đưa một hệ thống mới về luật lệ và nhà nước, một kiểu chữ viết mới và cả một quan điểm mới vào cuộc sống. Đó là một tôn giáo mà khi đến đã mang theo mình cả những giá trị mới và những thể chế xã hội mới. Tôn giáo này không phải là đường ngăn cách mạnh mẽ giữa cái thế tục và cái tôn giáo. Tôn giáo này là tôn giáo luôn bên bỉ mong muốn thích nghi vào những thể chế đã có sẵn với hi vọng là thế nào, cuối cùng thì những thể chế của chính mình sẽ thắng thế”⁽²⁾.

Thế nhưng, đúng vào lúc đạo Islam đang thắng thế và một số quốc gia Islam

giáo đã xuất hiện ở vùng đảo miền nam đất nước, thì người Phương Tây cũng bắt đầu xuất hiện ở Philippin. Năm 1521, Magenlăng và đoàn thám hiểm của ông đã đến vùng quần đảo Philippin. Sau đấy, vào những năm 60 của thế kỉ XVI, vùng quần đảo này chính thức được nhà thám hiểm Vilialebot người Tây Ban Nha đặt tên là “Philippin” để kỉ niệm vương triều Philip Đệ Nhị ở Tây Ban Nha. Sự kiện trên là sự khởi đầu cho quá trình xâm lược Philippin của thực dân Tây Ban Nha. Cuộc xâm lược chính thức được phát động vào năm 1564. Năm sau, năm 1565, quân đội Tây Ban Nha chiếm đảo Sebu. Đến năm 1571, Tây Ban Nha tuyên bố Manila là thủ đô của toàn thuộc địa này. Và, cũng từ thời điểm người Tây Ban Nha tới xâm lược, bắt đầu nổ ra cuộc đụng đầu không chỉ giữa người dân thuộc địa và thực dân xâm lược, mà còn giữa hai tôn giáo. Những người Tây Ban Nha là lực lượng của Công giáo, còn người đại diện cho Islam giáo là những người mà người Tây Ban Nha gọi là người Moro (tên gọi của tộc người theo Islam giáo ở Bắc Phi đã xâm lược và thống trị Tây Ban Nha suốt gần 800 năm).

Những người Moro thực chất là những tộc người cư trú ở các huyện phía tây và tây nam đảo Mindanao, quần đảo Sulu và phía nam đảo Palavan, đã theo đạo Islam. Dù có nhiều phương ngữ, nhưng ngôn ngữ của những người Moro gần với tiếng Vixai (một dân tộc có số dân đông nhất ở Philippin, sống ở trung tâm quần

1. Cesar A. Majul. *Islamic and Arabic Cultural influences in the South of the Philippines*, dẫn theo O. L. Evangelista, Sđd. tr. 23.

2. Cesar Majul. *Political and Historical Notes on the Old Sulu Sulhate* trong JMBRAS, vol.38, part 1, số 207, July, 1965, tr.36. Dẫn theo O. L. Evangelista, Sđd. tr.24.

đảo). Nghề chính của người Moro là làm nông nghiệp và đánh cá. Họ trồng lúa nước, lúa khô và các loại cây khác như ngô, khoai, sắn, dừa, cau, chuối...; biết dùng cày sắt để cày ruộng, nhưng cuốc vẫn được dùng nhiều hơn cả; dùng hái (bolo) để gặt lúa. Ngoài làm nông, người Moro còn chăn nuôi trâu và ngựa để cưỡi và vận chuyển đồ vật, ra khơi đánh bắt cá bằng thuyền buồm, xuống biển mò ngọc trai... Trước khi Islam giáo thâm nhập vào Philippin vào thế kỉ XIV, các thủ lĩnh của Jolo và Cotabato đã mạnh và lớn hơn so với các thủ lĩnh (batu) của các làng (barangay) địa phương. Và, các trung tâm dân cư riêng lẻ đã trở thành những điểm buôn bán quan trọng với một thể chế tổ chức và chức năng ở tầm trên barangay. Quá trình Islam giáo hóa sau đây chỉ góp phần thúc đẩy nhanh hơn sự mở rộng tự nhiên của barangay. Vì thế mà, sau khi đạo Islam vào, đã xuất hiện, như một kết quả tự nhiên, “dạng Islam giáo” của kiểu tổ chức xã hội barangay. Cũng vì vậy mà, dù có mang hình thức là một sultan của Islam giáo, nhưng các thủ lĩnh của các cộng đồng barangay Islam giáo - các sultan - vẫn chỉ là các datu.

Như ở các nơi khác trong thế giới Islam giáo, ở miền nam Philippin, đạo Islam đã đưa đến một tinh thần cộng đồng cho những người đã trở thành Muslim và làm cho họ có một ý thức họ là một bộ phận của cả một khối cộng đồng Islam giáo quốc tế vượt lên trên cả những lí do thị tộc, ngôn ngữ và, thậm chí, cả những khác biệt chủng tộc. Việc người Tây Ban Nha đến cùng thanh gươm và cây thánh giá đã thúc đẩy những hoạt động của những người Islam giáo tới đỉnh điểm và khiến cho đạo Islam nổi bật lên

như một tư tưởng đoàn kết, tập hợp quần chúng. Và, tư tưởng đoàn kết này của đạo Islam đã kết hợp với tinh thần yêu nước của dân chúng để trở thành một sức mạnh chống lại Công giáo. Kết quả là, cả một khối cộng đồng rộng lớn những người Muslim chưa bao giờ sáp nhập vào thuộc địa của Tây Ban Nha. Suốt hơn 300 năm liên tục, quan hệ giữa thuộc địa Tây Ban Nha và cộng đồng người Islam giáo luôn là những quan hệ thù địch, mà được biết tới là những cuộc chiến tranh Moro. Sự thù địch và những cuộc đụng độ giữa hai nhóm tôn giáo mang những hình thức li khai mãnh liệt trong mối tương tác qua lại khiến cho từng nhóm li khai, trong khi tách ra khỏi nhóm kia, lại cố kết sự đoàn kết nội bộ. Tại sao hai tôn giáo đều từ bên ngoài đến lại có sự đụng đầu một mất một còn ở vùng đất Philippin xa xôi này? Và, tại sao trong cuộc đụng đầu quyết liệt này, những người theo Islam giáo lại có được sự ủng hộ rộng lớn hơn là những người Tây Ban Nha theo Công giáo?

Cuộc chiến mang tính toàn cầu giữa Công giáo và Islam giáo đã bắt đầu nổ ra chỉ một thời gian ngắn sau khi đấng tiên tri Mohammad qua đời. Cuộc chiến đó, lúc đầu nổ ra do sự bành trướng của Công giáo cùng với sự mở rộng cộng đồng Muslim sang cả Châu Âu và Bắc Phi. Những cuộc chiến giữa hai tôn giáo này, mà lớn nhất và kéo dài nhất là những cuộc Thập Tự chinh, cuộc đấu tranh chống lại những người Muslim ở Tây Ban Nha, rồi những cuộc chiến ở Thổ Nhĩ Kỳ và Đông Địa Trung Hải, v.v.... đã tạo thành hai thực thể Islam giáo và Công giáo. Vùng quần đảo Philippin, cũng như

ở Trung Đông, Bắc Phi và Châu Âu trước đó, đã trở thành nơi tranh giành sự bành trướng của Islam giáo và Công giáo. Và, Islam giáo đã vào vùng quần đảo Philippin trước Công giáo một thế kỉ. Hơn thế nữa, hai cách truyền bá và bành trướng của hai tôn giáo này ở Philippin cũng rất khác nhau. Sự thâm nhập của đạo Islam không đi theo với việc chiếm thuộc địa và bắt những người cải đạo phải tuân phục sự cai trị của mẫu quốc. Ngược lại, khi đạo Islam đến những vùng đất Malay, tất cả các lãnh địa hay các vương quốc đã cải giáo sang đạo Islam đều do các dòng tộc hoặc các vương triều địa phương cai quản. Còn, vào thế kỉ XVI, các cường quốc Phương Tây đến Đông Nam Á đã đem đến đây một nhân tố mới: truyền bá Công giáo và xâm chiếm thuộc địa cho những đất nước ở tít xa tận Châu Âu. Vì vậy, thật dễ hiểu nguyên nhân vì sao việc Malacca thất thủ trước lực lượng của Bồ Đào Nha vào năm 1511 đã dẫn đến sự phản ứng mạnh mẽ của người Mã Lai chống lại người Âu Châu. Việc người Tây Ban Nha đến với thanh gươm và cây thánh giá đã không chỉ làm phẫn khích cho cuộc chiến đấu dũng cảm của những người Mã Lai mà còn làm cho công việc truyền bá đạo Islam thành công nhanh hơn tại những vùng dân cư chưa cải đạo ở Java, Borneo, Molucca và những đảo khác gần đấy. Và, vào thời gian này, những ông thầy giảng đạo và những nhà truyền giáo nổi tiếng lại là người Mã Lai và, đông nhất, là người Java. Thế là, một cách rất tự nhiên và có cơ sở, trong mối tương quan lực lượng như vậy, đạo Islam đã nổi lên như hệ tư tưởng mang tính tập hợp lực lượng, và, cùng với chủ nghĩa yêu nước, đã trở thành sức mạnh chống lại

Công giáo và chủ nghĩa thực dân. Về sự đối đầu này ở các vùng đất Malay, nhà khoa học người Hà Lan, Bertram Schriker, viết: "Hai thế lực đối kị và không thể hòa hợp với nhau được - Công giáo thời Trung đại và Islam giáo - đã mặt đối mặt với nhau, không hề nhượng bộ và đều tự cho mình là đúng"⁽³⁾.

Rõ ràng là, người Tây Ban Nha đến Philippin là để mở mang quyền lực cho vua Tây Ban Nha và truyền bá Công giáo. Người Muslim ở Philippin hiểu rằng, nếu người Tây Ban Nha thành công, họ sẽ trở thành chư hầu của một vị vua ngoại quốc và rồi họ sẽ mất cả đạo và cả tự do chứ không còn là một dân tộc độc lập. Do vậy, họ đáp lại sự đe dọa đó bằng lòng trung thành mạnh mẽ đối với các vương Islam giáo và các datu của mình, bằng sự kính trọng lớn lao dành cho các pandita (các ông thầy tu của đạo Islam), bằng nâng cao ý thức Islam giáo của mình, và bằng những nỗ lực đầy quyết tâm chống lại sự thâm nhập quân sự của kẻ thù vào mảnh đất của mình. Như vậy là, chủ nghĩa yêu nước và đạo Islam đã cố kết lại thành một sức mạnh bảo vệ độc lập.

Sự đối đầu giữa người Tây Ban Nha và người Muslim ở Philippin đã bùng phát thành những cuộc chiến mà sử sách gọi là những cuộc chiến tranh Moro - một chuỗi dài những cuộc chiến đẫm máu hao người tổn của kéo dài suốt hơn ba trăm năm. Chính những cuộc chiến tranh cay đắng này đã biến người Muslim Philippin thành người quá khích ngày hôm nay. Các nhà khoa học thường chia cuộc chiến Moro

3. *The Muslim Filipinos*, edited by P. G. Gowing and R. D. McAmis; Solidaridad Publishing House, Manila, 1974, tr.6.

thành sáu giai đoạn kế tiếp nhau.

Giai đoạn thứ nhất được biểu hiện bằng cuộc chiến giữa Tây Ban Nha và Brunei để giành ưu thế chính trị và buôn bán ở vùng quần đảo Philippin. Trong cuộc tranh giành này, Tây Ban Nha không chỉ trụ bám an toàn và vững ở Philippin, mà còn thành công trong việc công phá khu cư trú và thành Manila do giới quý tộc Bornean cai quản và trong việc loại các thương nhân Bornean ra khỏi Visayas và bắc Mindanao. Giai đoạn này kết thúc bằng cuộc tấn công của Tây Ban Nha vào Brunei năm 1578. Từ đó trở đi, ảnh hưởng của Bornean đối với đời sống chính trị của vùng quần đảo này, trên thực tế, coi như chấm dứt. Điều có ý nghĩa trong giai đoạn này là việc người Sulu đã là liên minh của người Brunei, vì các dòng tộc hoàng gia ở hai nơi này là họ hàng với nhau.

Giai đoạn thứ hai kéo dài suốt khoảng hai thập niên và chủ yếu là cố gắng của người Tây Ban Nha, sau khi được khích lệ bởi những chiến thắng đối với Brunei, nhằm thiết lập thuộc địa ở Mindanao, làm giảm bớt uy quyền của những thủ lĩnh Sulu, Maguindanao và Buayan để biến họ thành chư hầu và làm cho họ phải tiếp nhận các nhà truyền giáo. Trong cuộc đụng độ này, viên quan được bổ nhiệm cai trị Mindanao bị giết vào năm 1596. Sự kiện lớn trong giai đoạn này là thủy quân của Ternate và sự trợ giúp của quân đội đã làm thất bại công cuộc chiếm thuộc địa và Công giáo hóa Mindanao.

Giai đoạn thứ ba rơi vào một vài năm đầu của thế kỉ XVII được ghi nhận bằng sự tranh giành giữa những người Tây Ban Nha ở Philippin với khối liên minh

của Maguindanao và Buayan để giành quyền kiểm soát Visaya. Trong giai đoạn này, sultan Maguindanao nhận được sự giúp đỡ của người Iranun và người Ternate. Thế nhưng, cuộc tranh chấp kết thúc có lợi cho Tây Ban Nha, sau khi họ chiếm được Molucca năm 1606.

Giai đoạn thứ tư đánh dấu bằng sự gia tăng những cuộc xâm chiếm mang tính đế quốc chủ nghĩa của Tây Ban Nha. Nhân tố mới đi vào bức tranh của giai đoạn này là người Hà Lan. Những người Muslim có lợi từ những xung đột quyền lợi giữa người Tây Ban Nha và người Hà Lan bởi họ nhận được sự giúp đỡ của người Hà Lan, nhưng lại không nghiêng theo bên nào cả. Giai đoạn này bắt đầu bằng việc, vào năm 1635, một pháo đài được dựng lên ở Zamboanga, và bằng việc Tây Ban Nha quyết định xâm chiếm các vương quốc Islam giáo (các sultanate). Để đạt được mục đích, Tây Ban Nha áp dụng chính sách làm giảm dân ở những vùng của người Muslim bằng cách đốt phá làng mạc, ruộng đồng và vườn cây và bắt người Muslim đi lao dịch. Kết quả là, năm 1637, Lamitan, thủ đô của sultan Kudarat bị gục trước người Tây Ban Nha. Một năm sau, năm 1638, cota của sultan Sulu ở Jolo được phòng thủ bởi người Makkasar và Basilan cùng sự trợ giúp của người Tausug và người Samal cũng bị thất thủ. Người Tausug sơ tán vào vùng sâu của Jolo hoặc chạy sang các hòn đảo khác. Người Maguindanao và người Buayan cũng phải rút vào nội địa. Thế nhưng, mối đe dọa của người Hà Lan cũng như khả năng đánh trả đũa của người Muslim đã khiến Tây Ban Nha phải hoà hoãn với Maguindanao vào năm 1645 và với Sulu vào năm 1646.

Chục năm sau, năm 1656, xung đột lại nổ ra giữa người Tây Ban Nha và người Maguindanao vì những hành động khiêu khích của người Tây Ban Nha tại những vùng đất triều cống của sultan Kudarat. Đích thân Kudarat đã tuyên bố thánh chiến (jihad) chống lại Tây Ban Nha và kêu gọi các sultan của các vương quốc Sulu, Ternate và Makassar giúp đỡ để đánh đuổi người Tây Ban Nha ra khỏi những vùng đất của người Muslim. Và, cuộc chiến đẫm máu, nhưng bất phân thắng bại đã diễn ra. Thế rồi, vào năm 1663, mối đe dọa của Koxinga đối với Manila khiến Tây Ban Nha phải bỏ các pháo đài Molucca và Zamboanga. Từ đấy, trong khoảng 50 năm là sự hòa bình tạm thời và mang tính tương đối giữa người Tây Ban Nha và người Islam giáo. Thời kì hòa bình tương đối đó lại bị phá vỡ vào năm 1718, khi người Tây Ban Nha quyết định tái chiếm Zamboanga và củng cố ở đó. Thời kì này của lịch sử, theo nhà nghiên cứu Majul, cho thấy một điều là, nhưng người Muslim, vì có ý muốn giữ được hoà bình, đã dự phòng khi người Tây Ban Nha rời đi.

Trong công cuộc bảo vệ đất đai của mình, những người Muslim chưa bao giờ có quân đội chuyên nghiệp thường trực cả, mà mỗi một người đàn ông vừa là một công dân vừa là một người lính lúc nào cũng sẵn sàng cống hiến cuộc sống của mình cho công việc bảo vệ cộng đồng. Khi mô tả những người dân Sulu, một người Phương Tây tên là Saleeby nhận xét những khi người Tây Ban Nha tấn công, mỗi người đàn ông khoẻ mạnh đều là một người lính và một thuỷ thủ. Hàng ngàn người Tausug và người Samal đều sẵn sàng ở vị trí của mình trên thuyền hay

trong pháo đài. Mỗi pháo đài mà người Tây Ban Nha phá hỏng, người Tausug có thể phục hồi lại trong một thời gian ngắn; mỗi một hạm thuyền bị diệt, họ có thể thay bằng hạm thuyền mới sau đấy vài ba tháng và với một chi phí nhỏ; họ bao giờ cũng sẵn sàng tiếp tục chiến đấu, và với sự chuẩn bị tốt hơn trước.

Theo nghiên cứu của tiến sĩ Majul, giai đoạn thứ năm của cuộc chiến tranh Moro mở đầu bằng việc tái củng cố pháo đài Zamboanga vào năm 1718 và kết thúc bằng sự thất bại của Tây Ban Nha trong thế kỉ XVIII nhằm bắt người Muslim trở thành chư hầu. Trong suốt giai đoạn này, người Iranun ở Butig và người Maranao ở vùng hồ bắt đầu những cuộc tấn công tàn phá sang những vùng khác của quần đảo. Những cuộc tấn công này đã làm giảm độ tiến cống cho Tây Ban Nha đến từ Visaya, và gây ra sự đổ vỡ trông thấy đối với đời sống kinh tế của nhiều hòn đảo nằm dưới quyền kiểm soát của chế độ thực dân Tây Ban Nha. Cuộc xâm lược Philippin vào năm 1762 và việc chiếm Manila sau đấy của Anh quốc đã làm hỏng quyền thuộc địa của Tây Ban Nha và làm yếu đi sự thù địch giữa người Tây Ban Nha và người Muslim.

Giai đoạn thứ sáu của cuộc chiến tranh Moro được nhìn nhận là bắt đầu bằng chiến dịch của Tây Ban Nha đánh vào Sulu năm 1851 và kết thúc khi quyền cai trị của Tây Ban Nha chấm dứt ở Philippin. Giai đoạn này còn ghi nhận sự suy tàn của các Sultanate Manguindanao và Sulu. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự cố này. Trước hết là do người Tây Ban Nha đã sử dụng vũ khí chiến tranh tiên tiến hơn. Nguyên nhân quan trọng nữa là sự thiếu khả năng về mặt thiết chế bên

trong các xã hội Muslim ở Mindanao để đáp lại một cách tương xứng với áp lực quân sự thường xuyên và luôn gia tăng của người Tây Ban Nha. Hơn thế nữa, đúng vào thời gian này, Sulu trở thành tiêu điểm cạnh tranh của người Châu Âu. Nước Pháp muốn có cơ sở hải quân ở Basilan vào những năm 1850, và, cũng vào thời gian này, Anh quốc bắt đầu nối lại những hiệp định thương mại của họ trong thế kỉ XVIII kí với Sulu. Nhận thấy sự có mặt của các thế lực Phương Tây khác ở vùng biên giới phía nam sẽ là mối đe dọa cho việc kiểm soát Philippin của mình, người Tây Ban Nha đã chiếm Jolo năm 1851 và xác nhận Sulu là vùng bảo hộ của họ. Nhờ hoàn cảnh lịch sử như vậy, sultan của Sulu được hành động một cách độc lập như trước kia. Còn người Tây Ban Nha sử dụng bản hiệp ước với Sulu như một văn bản chính thức để ngăn cản những nước Phương Tây khác có những kí kết với Sulu.

Để giải quyết một lần cho xong vấn đề về độc quyền của mình đối với Sulu, năm 1876, người Tây Ban Nha triển khai một chiến dịch lớn vào Sulu. Chiến dịch được vạch ra thật kĩ lưỡng và dư luận quần chúng cũng được các báo chí Manila tung ra để giành sự ủng hộ. Nhiều người Philippin đã có những ủng hộ tích cực cho chiến dịch: các thành phố, thậm chí cả các học sinh các trường dòng, đã quyên góp để ủng hộ cho chiến dịch. Cuối cùng, vào ngày 5 tháng Hai năm 1876, một lực lượng lớn và mạnh của Tây Ban Nha do viên tướng Jose Malcampo chỉ huy xuất quân đến Zamboanga, nơi đã được củng cố vững chắc bởi những người tình nguyện đến từ các thành phố phía bắc của Mindanao. Với khoảng 9.000 quân và

một hạm đội gồm 10 chiếc tàu hơi nước, 11 tàu chiến và 11 tàu chở quân, Malcampo đến tới đảo Jolo vào ngày 21 tháng Hai. Cuộc chiến chống lại quân đội Tây Ban Nha thật dữ dội, nhưng cuối cùng, những thành lũy, những con mương sâu bảo vệ Jolo thay nhau mất vào tay quân đội Tây Ban Nha. Sultan và những chiến binh trung thành phải rút tới Bud Datu, ở đó, ông đã phối hợp tổ chức nhiều cuộc tấn công vào quân đội Tây Ban Nha. Cuộc chiến tranh du kích chống lại quân xâm lược đã nhận được sự giúp đỡ lớn lao của dân chúng. Cuối cùng, vào ngày 2 tháng 7 năm 1878, hiệp ước hòa bình giữa sultan Sulu và chính phủ Tây Ban Nha được kí kết. Theo hiệp ước này, dù Sulu vẫn thuộc quyền bảo hộ của Tây Ban Nha, nhưng có nhiều quyền tự chủ trong việc tổ chức hành chính nội bộ và trong các hoạt động thương mại.

Cùng khi đó, năm 1861, trong nội địa của Mindanao, người Tây Ban Nha đưa quân đến đóng ở thành phố Cotabato. Vào năm 1871, Cotabato được người Tây Ban Nha dùng làm thủ phủ của Mindanao. Thế nhưng, do hỏa hoạn và động đất xảy ra đúng vào năm đó, nên người Tây Ban Nha buộc phải chuyển ngay thủ phủ trở về Zamboanga. Cùng với sự suy tàn của sultanate Maguindanao là việc nhiều nơi cư trú của người Iranun ở vùng Malabang phải tìm đến sự che chở của sultan Ganasi ở vùng hồ. Và, người có những cố gắng cuối cùng nhằm phục hồi sự hưng thịnh của người Maguindanao là Datu Utto. Ông được người Tây Ban Nha nhìn nhận như là một Kudarat thứ hai. Thế nhưng, ước muốn này không tồn tại được lâu vì viên tướng toàn quyền

Emilio Terrero đã mở một chiến dịch quân sự thành công đánh bại ông vào năm 1886-1887. Kết quả là, Datu Utto phải đầu hàng người Tây Ban Nha và sống những năm cuối đời của mình như một người giàu có mà thôi.

Toàn quyền Valeriano Weyler cố lập lại chiến tích của toàn quyền Terrero ở Maranao. Năm 1889, ông ra lệnh cho quân đội đổ bộ lên Parang và Malabang và cho quân đi trinh sát xung quanh vùng hồ. Cuối cùng, vào năm 1891, ông ta đích thân chỉ huy cuộc tấn công Maranao. Tướng Weyler chia quân thành hai cánh: một cánh từ vùng Malabang tấn công Ganassi, cánh kia thì từ Iligan đánh tới. Sau một loạt những cuộc đụng độ đổ máu, vào tháng Tám, ngày 19, Marahui bị chiếm. Đến tháng Chín năm 1891, Weyler kết thúc chiến dịch của mình với chiến thắng chiếm được Maranao. Sau đấy, tháng Ba năm 1894, người Tây Ban Nha chiếm được Pantar ở phía bắc cách Marahui vài dặm. Đáp lại, người Maranao bắt đầu dựng thêm chiến lũy. Ngày 5 tháng Sáu, các datu của Ramain, Masiu, Taraka và Tumayas cùng phối hợp dựng một loạt điểm phòng thủ hỗ trợ nhau ở dọc sông Agus. Một cuộc chiến tranh du kích được tiến hành chống lại quân Tây Ban Nha, và, nhiều người Tây Ban Nha đã chết trong những cuộc phục kích thường xuyên đó. Phản ứng của Tây Ban Nha trước những sự việc trên là xây dựng thêm đồn lũy mới và củng cố các pháo đài cũ. Hai tháng đầu năm 1895 là những cuộc tấn công có hệ thống của người Maranao vào những pháo đài của Tây Ban Nha. Tháng Ba năm ấy, Tây Ban Nha mở rộng chiến dịch cuối cùng của mình đánh Marahui, nơi mà họ phải

đối mặt với quân đội dưới sự chỉ huy trực tiếp của Amai Pakpak, người mà họ đã chạm trán trước đó. Vị thủ lĩnh này cùng con trai ông với hai mươi ba datu và 150 người Maranao đã phải rút khỏi những điểm phòng thủ. Phía Tây Ban Nha có 2 sĩ quan và 16 lính thiệt mạng; 21 sĩ quan và 176 lính bị thương. Mặc dầu bị chiếm, Marahui vẫn thường xuyên bị người Maranao tấn công và vây hãm.

Như vậy là, đến năm 1898, cuộc chiến tranh Moro kéo dài 320 năm (từ 1578 đến 1898) đã kết thúc bằng việc người Moro đã phải thừa nhận chủ quyền của Tây Ban Nha trên mảnh đất của mình. Có nhiều nguyên nhân khiến cho người Tây Ban Nha chiến thắng trong giai đoạn chót của cuộc chiến tranh Moro. Trước hết, đó là ưu thế về kỹ thuật quân sự của quân đội Tây Ban Nha. Trong khi đó, những người Islam giáo không chỉ thua kém người Tây Ban Nha ở kỹ thuật và tổ chức quân sự, mà trong nội bộ của họ luôn mâu thuẫn. Một nguyên nhân quan trọng nữa là việc cả một khối người Philippin Công giáo không những không đứng về phía cộng đồng Islam giáo phía nam, mà, trái lại, có những lúc, còn giúp cả sức người sức của cho người Tây Ban Nha. Vì thế, theo thời gian, cuộc chiến tranh chống lại Tây Ban Nha của người Islam giáo dần dần chỉ còn nằm trong một khu vực hẹp: vùng đất đai của người Islam giáo. Thế nhưng, sự hợp tác của những người Philippin Công giáo với người Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh Moro đã khiến cho mâu thuẫn giữa hai cộng đồng tôn giáo ở Philippin không chỉ thêm sâu sắc mà còn trở thành một vấn đề nhức nhối không dễ gì khắc phục được kể từ sau cuộc chiến tranh Moro đến nay.

Với sự thành công của cuộc cách mạng năm 1898, người Tây Ban Nha mất quyền cai trị Philippin, và, vì thế cuộc chiến tranh Moro cũng kết thúc. Dù rằng bị thua trong cuộc chiến, nhưng những cuộc chiến đấu lâu dài, bền bỉ và dũng mãnh của những người Islam giáo là một đóng góp không nhỏ vào sự thành công của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc năm 1898 ở Philippin. Không phải ngẫu nhiên mà Junta (Hội đồng) Cách mạng tại Hồng Công đã tuyên bố người Moro “trên thực tế, là những người anh em của chúng ta, những người cũng chiến đấu cho nền độc lập của họ”. Tư tưởng trên, năm 1898, đã được sultan của Sulu lặp lại. Ông nhấn mạnh, khi nói về cuộc chiến đấu giữa những người cách mạng với thực dân Tây Ban Nha, những gì người Philippin ở Luzon làm cũng giống như những gì mà người dân Sulu đã làm trong suốt ba trăm năm qua. Ngày 19 tháng Giêng năm 1899, mấy ngày trước khi ra đời nước Cộng hòa Philippin, Aguinaldo đã viết một bức thư hữu hảo gửi sultan Sulu và gọi vị vương Islam giáo này là người anh em lớn hùng mạnh. Lời mở đầu của bức thư nói rằng, người Philippin, sau khi đã lật đổ được ách đô hộ của nước ngoài, “không thể quên những người anh em của mình ở Jolo mà mình có những gắn bó về chủng tộc, về lợi ích, về an ninh... Cộng hòa Philippin

tuyệt đối tôn trọng tín ngưỡng và truyền thống của từng hòn đảo để thiết lập, trên những cơ sở vững chắc, mối quan hệ thống nhất anh em do những quyền lợi tương hỗ của chúng ta yêu cầu”⁽⁴⁾.

Không biết những thông điệp và những lời lẽ ăm áp trong những bức thư của các lãnh tụ cách mạng đã được người Muslim tiếp nhận như thế nào, chứ mọi cố gắng của nước Cộng hòa nhằm đoàn kết với người Muslim hầu như không có kết quả. Chính việc Tây Ban Nha sử dụng mọi nỗ lực tiến hành những cuộc chiến tranh chống lại người Muslim trong suốt hơn ba trăm năm đã để lại những hậu quả tiêu cực. Mà, hậu quả lớn nhất của cuộc chiến tranh Moro đối với chủ nghĩa dân tộc Philippin thời hiện đại chính là xu thế li khai chứ không phải thống nhất. Do vậy, dù rằng cuộc chiến tranh Moro đã chấm dứt, nhưng, kể từ khi Cộng hòa Philippin được thành lập cho đến nay, vấn đề (mà chủ yếu là vấn đề chính trị) Moro không chỉ vẫn tiếp tục tồn tại, mà còn phát triển mạnh và căng thẳng vào thời điểm này hoặc thời điểm khác./.

4. Cuộc chiến tranh Moro ở Philippin đã được nhiều học giả đề cập tới, như: các bài viết của các nhà nghiên cứu trong công trình *The Muslim Filipinos*, Sdd., và *Understanding Islam and Muslims in the Philippines*, Edited by Peter Gowing, New Day Publisher, Quezon City, 1988.